TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 4 -AN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: **279**/2025/DS-ST. Ngày: 12/12/2025. V/v Tranh chấp hợp đồng vay tài sản.	

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4 - AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trịnh Thị Hồng Điệp.

Các Hội thẩm nhân dân: 1/ Ông Nguyễn Văn Đoạt.

2/ Ông Nguyễn Thành Thái.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đinh Thị Ngọc Lan - Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 4 - An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 4 - An Giang tham gia phiên tòa: Bà Trần Phương Thuý - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 12 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 4 - An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 283/2024/TLST-DS, ngày 21 tháng 10 năm 2024 về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 34/2025/QĐXXST-DS ngày 24 tháng 04 năm 2025, Quyết định hoãn phiên toà số 34/2025/QĐST-DS ngày 12 tháng 05 năm 2025 và thông báo mở lại phiên toà số 27/TB-TA ngày 25 tháng 11 năm 2025 giữa các đương sự:

1/ *Nguyên đơn*: Ông **Trần Quốc V**, sinh năm 1988; Địa chỉ: Tổ A, khu phố S, thị trấn S, huyện H, tỉnh Kiên Giang (nay là tổ A, ấp S, xã M, tỉnh An Giang).

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông **Trần Việt Q**, sinh năm 1958; Địa chỉ: Tổ A, khu phố S, thị trấn S, huyện H, tỉnh Kiên Giang (nay là tổ A, ấp S, xã M, tỉnh An Giang) (có mặt).

2/ *Bị đơn:* Ông **Nguyễn Tuấn H**, sinh năm: 1974; Địa chỉ: khu phố T, thị trấn S, huyện H, tỉnh Kiên Giang (nay là ấp T, xã M, tỉnh An Giang) (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Theo đơn khởi kiện ngày 20/9/2024, bản tự khai và trong quá trình xét xử, người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn ông Trần Việt Q trình bày:***

Do chỗ quen biết nên ông Trần Quốc V có cho ông Nguyễn Tuấn H vay số tiền 1.000.000.000 đồng, vay làm 3 lần vào những ngày sau:

Ngày 04/8/2020 cho vay 500.000.000đồng (*Năm trăm triệu đồng*), ngày 21/9/2020 vay 300.000.000đồng (*Ba trăm triệu đồng*) và ngày 16/12/2020 vay 200.000.000đồng (*Hai trăm triệu đồng*). Khi vay hai bên thoả thuận lãi suất là 3%/tháng, trả lãi hàng tháng, việc vay mượn hai bên có làm biên nhận nợ với nhau. Hiện ông H đã trả xong số tiền gốc lần lượt vào ngày 27/6/2022 trả 500.000.000đồng, ngày 15/8/2023 trả 300.000.000đồng và ngày 16/12/2020 trả 200.000.000đồng nhưng tiền lãi của các khoản vay trên thì ông H chưa trả được đồng nào. Vì vậy ông Trần Quốc V làm đơn khởi kiện yêu cầu ông Nguyễn Tuấn H phải trả cho ông V số tiền lãi tính từ ngày 04/8/2020 đến ngày 15/8/2023 với lãi suất là 1,6%/tháng như sau:

- Số tiền vay gốc 500.000.000đồng, từ ngày 04/8/2020 đến ngày 27/6/2022 là 22 tháng 23 ngày (500.000.000đ x 1,6% x 22 tháng 23 ngày = 182.133.000đ).

- Số tiền vay gốc 300.000.000đồng, từ ngày 21/9/2020 đến ngày 15/8/2023 là 34 tháng 24 ngày (300.000.000đ x 1,6% x 34 tháng 24 ngày = 167.040.000đ).

- Số tiền vay gốc 200.000.000đồng, từ ngày 16/12/2020 đến ngày 16/12/2020 là 32 tháng (200.000.000đ x 1,6% x 32 tháng = 102.400.000đ).

Tổng số tiền lãi mà ông H chưa trả là 441.000.000đồng (*Bốn trăm bốn mươi mốt triệu đồng*).

Tại phiên toà, ông Trần Việt Q là người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn yêu cầu ông Nguyễn Tuấn H phải trả cho ông Trần Quốc V số tiền lãi là 441.000.000đồng (*Bốn trăm bốn mươi mốt triệu đồng*).

**** Tại tờ tường trình ông Nguyễn Tuấn H trình bày***:

Ông Nguyễn Tuấn H cho rằng ông chỉ là người nhận tiền dùm cho ông Thái Văn H1 vì ông và ông Thái Văn H1 là bạn bè với nhau và ông thường xuyên qua P chơi nên khi ông H1 và ông V thoả thuận mua bán đất với nhau thì ông H1 có nhờ ông nhận tiền bán đất từ ông V đem qua cho ông H1. Do giấy tờ gặp trục trặc nên việc mua bán không thực hiện nữa sau đó ông H1 có đồng ý trả lại cho ông V số

tiền 01 (một) tỷ đồng và nói là sẽ trả lãi cho ông V khi làm nào giấy tờ đất xong nhưng cho đến nay chưa làm xong nên ông H1 vẫn chưa trả tiền lãi cho ông V.

** Ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 - An Giang:*

- Việc tuân theo pháp luật của những người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án những người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng đã tuân theo đúng các quy định về pháp luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 357, 463 và Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Trần Quốc V.

Buộc ông Nguyễn Tuấn H phải trả cho ông Trần Quốc V số tiền lãi còn nợ 441.000.000đồng (*Bốn trăm bốn mươi mốt triệu đồng*).

Về án phí dân sự sơ thẩm: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 147 BLTTDS năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/ UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án, buộc ông Nguyễn Tuấn H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên Tòa, căn cứ kết quả tranh luận tại phiên toà Hội đồng xét xử (HĐXX) nhận định vụ án này như sau:

[1] *Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:* Theo nội dung đơn khởi kiện, ông Trần Quốc V yêu cầu ông Nguyễn Tuấn H phải trả cho ông số tiền còn nợ. Xét thấy đây là tranh chấp dân sự về hợp đồng vay tài sản; bị đơn ông Nguyễn Tuấn H có nơi cư trú tại ấp T, xã M, tỉnh An Giang nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Hòn Đất theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ Luật tố tụng dân sự 2015; khoản 1 Điều 6 Nghị quyết 01/2025/NQ-HĐTP ngày 27/6/2025 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao quy định về việc "Hướng dẫn áp dụng một số quy định về tiếp nhận nhiệm vụ, thực hiện thẩm quyền của các Tòa án nhân dân".

[2] *Về thủ tục tố tụng*:

[2.1] Bị đơn ông Nguyễn Tuấn H đã được Toà án triệu hợp lệ đến lần thứ 2 nhưng vẫn vắng mặt. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ Luật tố tụng dân sự năm 2015; HĐXX tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn tại phiên tòa.

[2.2] Đối với vợ của ông Nguyễn Tuấn H: Theo đơn khởi kiện và tại phiên toà nguyên đơn chỉ yêu cầu ông Nguyễn Tuấn H trả nợ chứ không yêu cầu vợ của ông H cùng chịu trách nhiệm trả nợ cho ông V. Vì vậy, HĐXX không đưa vợ của ông H vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án là phù hợp theo quy định tại khoản 4 Điều 68 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] *Về nội dung vụ án:* Qua lời khai và các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án HĐXX có cơ sở xác định như sau: Từ ngày 04/8/2020 đến ngày 16/12/2020 ông Trần Quốc V cho ông Nguyễn Tuấn H vay tiền 03 lần với tổng số tiền 01 (một) tỷ đồng, với lãi suất thoả thuận là 3%/tháng. Hiện ông H đã trả xong số tiền vay gốc cho ông V, lần lượt vào ngày 27/6/2022 trả 500.000.000đồng, ngày 15/8/2023 trả 300.000.000đồng và ngày 16/12/2020 trả 200.000.000đồng. Tuy nhiên đối với số tiền lãi của từng khoản vay trên thì ông H chưa thanh toán.

[3.1] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn HĐXX thấy rằng: Nguyên đơn có cung cấp cho Tòa án bản chính 03 giấy biên nhận tiền đề ngày 04/8/2020; 21/9/2020 và 16/12/2020 bên dưới biên nhận người mượn có chữ ký tên và chữ viết họ tên "Nguyễn Tuấn H". Biên nhận có nội dung thể hiện ông Nguyễn Tuấn H có vay tiền của ông Trần Quốc V, lần lượt là vào ngày 04/8/2020 vay 500.000.000đồng, ngày 21/9/2020 vay 200.000.000đồng và ngày 16/12/2020 vay 200.000.000đồng, với mức lãi suất 3%/tháng.

Tại biên bản hoà giải ngày 15/4/2024 của Ban lãnh đạo khu phố T (nay là ấp T) có tổ chức hoà giải giữa ông Trần Quốc V với ông Nguyễn Tuấn H về việc ông V kiện đòi số tiền lãi do ông H chưa trả; theo nội dung biên bản hoà giải ông H thừa nhận rằng số tiền gốc 01 (một) tỷ đồng đã được trả xong và chỉ còn nợ số tiền lãi là 441.000.000đồng chưa trả và ông đồng ý trả vào ngày 15/7/2024.

Xét thấy lời trình bày của ông H là phù hợp với lời khai của nguyên đơn nên HĐXX có căn cứ xác định rằng vào khoảng thời gian từ ngày 04/8/2020 đến ngày 16/12/2020 ông Nguyễn Tuấn H có vay tiền của ông Trần Quốc V nhiều lần với tổng số tiền gốc là 01 (một) tỷ đồng và có thoả thuận lãi suất (thể hiện 03 biên nhận nợ). Hai bên cũng xác định đã trả xong số tiền vay gốc hiện chỉ còn nợ số tiền

lãi là 441.000.000đồng và ông H cũng đồng ý trả số nợ này. Căn cứ Điều 468 Bộ luật dân sự thì bên vay tức là ông Nguyễn Tuấn H phải chịu lãi suất cho bên cho vay tức là ông Trần Quốc V; ông V yêu cầu lãi suất là 1,6%/tháng là phù hợp theo quy định của pháp luật nên HĐXX chấp nhận.

Số tiền lãi tính từ ngày 04/8/2020 đến ngày 15/8/2023 với lãi suất là 1,6%/tháng như sau:

- Số tiền vay gốc 500.000.000đồng, từ ngày 04/8/2020 đến ngày 27/6/2022 là 22 tháng 23 ngày (500.000.000đ x 1,6% x 22 tháng 23 ngày = 182.133.000đ).

- Số tiền vay gốc 300.000.000đồng, từ ngày 21/9/2020 đến ngày 15/8/2023 là 34 tháng 24 ngày (300.000.000đ x 1,6% x 34 tháng 24 ngày = 167.040.000đ).

- Số tiền vay gốc 200.000.000đồng, từ ngày 16/12/2020 đến ngày 16/12/2020 là 32 tháng (200.000.000đ x 1,6% x 32 tháng = 102.400.000đ).

Tổng số tiền lãi là 441.000.000đồng (*Bốn trăm bốn mươi mốt triệu đồng*).

[3.2] Phía ông T cho rằng ông chỉ là người nhận tiền dùm cho ông Thái Văn H1, nhưng ông không có chứng cứ gì chứng minh cho việc này; đồng thời ông cũng không cung cấp địa chỉ cụ thể của ông H1. Hơn nữa, trong quá trình giải quyết vụ án Toà án đã nhiều lần triệu tập ông đến Toà án để làm rõ những vấn đề liên quan nhưng ông vẫn vắng mặt không có lý do nên HĐXX không có cơ sở để xem xét.

Từ những phân tích trên, HĐXX chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc ông Nguyễn Tuấn H phải trả cho ông Trần Quốc V số tiền lãi còn nợ là 441.000.000đồng (*Bốn trăm bốn mươi mốt triệu đồng*).

[4] Xét ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 4 - An Giang phát biểu tại phiên tòa là có căn cứ nên HĐXX chấp nhận.

[5] Về án phí DSST: Áp dụng Điều 147 BLTTDS năm 2015; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án, buộc ông Nguyễn Tuấn H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch trên số tiền phải trả cho ông V ({400.000.000đồng x 5%} + {41.000.000đồng x 4%} = 21.640.000đồng).

Ông Trần Quốc V không phải chịu án phí sơ thẩm, do yêu cầu khởi kiện được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Áp dụng các Điều 357, 463 và Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015;

- Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/ UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Tuyên xử:

1/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Trần Quốc V.

Buộc ông Nguyễn Tuấn H phải trả cho ông Trần Quốc V số tiền là 441.000.000đồng (*Bốn trăm bốn mươi mốt triệu đồng*).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, ông Trần Quốc V có đơn yêu cầu thi hành án, phía ông Nguyễn Tuấn H còn phải chịu một khoản tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự, tương ứng với thời gian và số tiền chậm thi hành án cho đến khi thi hành xong bản án này.

2/ Về án phí DSST: Buộc ông Nguyễn Tuấn H phải nộp án phí sơ thẩm có giá ngạch là 21.640.000đồng (*Hai mươi mốt triệu sáu trăm bốn mươi nghìn đồng*).

Hoàn trả cho ông Trần Quốc V số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 10.820.000đồng (*Mười triệu tám trăm hai mươi nghìn đồng*) theo biên lai thu số 0001321 ngày 01/10/2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang (nay là Phòng thi hành án dân sự Khu vực 4 - An Giang).

3/ Quyền kháng cáo: Báo cho các đương sự biết có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 12/12/2025). Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết công khai.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành

án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự đã được sửa đổi bổ sung năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự đã được sửa đổi bổ sung năm 2014.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND Khu vực 4 - An Giang;
- THADS tỉnh An Giang;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Trịnh Thị Hồng Đ